BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
QUÝ 3 VÀ 9 THÁNG NĂM 2026

10/2026

NỘI DUNG

01

Bối cảnh hoạt động

& Điểm sáng

02

Kết quả kinh doanh 9 tháng năm 2026

- KQKD Riêng lẻ và Hợp nhất
- KQKD VPBankS

03

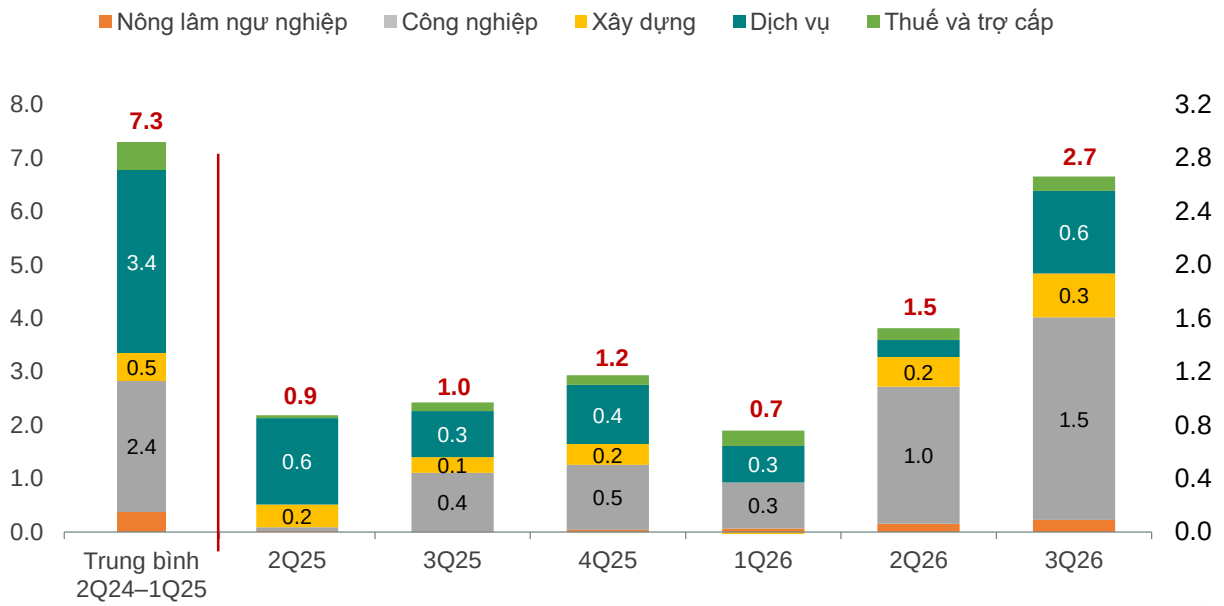
Triển vọng kinh doanh

Bối cảnh hoạt động

Tăng trưởng được củng cố bởi sản xuất và đầu tư, nhưng áp lực chi phí đang lan sang tiêu dùng thiết yếu

1. Tăng trưởng GDP tăng tốc lên 9.9%, trong đó công nghiệp và dịch vụ đóng vai trò dẫn dắt

Cơ cấu đóng góp tăng trưởng và thay đổi GDP (YoY, %)



Các động lực chính cho tăng trưởng GDP

1 FDI và xuất khẩu hỗ trợ sản xuất
Đơn hàng xuất khẩu phục hồi, xuất khẩu Q3 tăng 30.4%. FDI thực hiện 9 tháng tăng 12.1%.

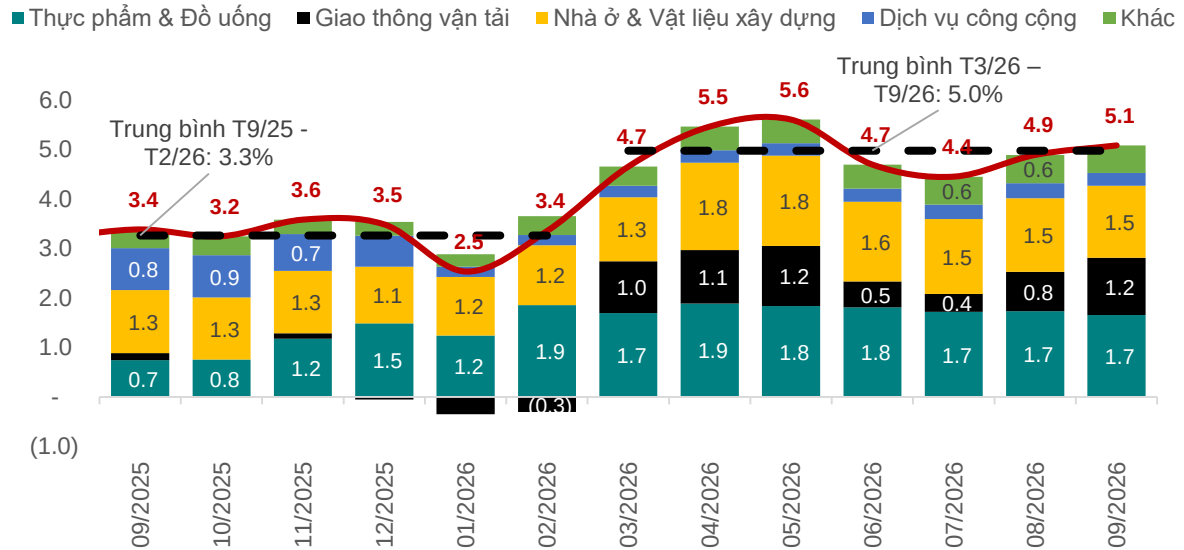
2 Đầu tư tạo lực đẩy cho xây dựng
Đầu tư công được đẩy mạnh, hỗ trợ sản xuất và xây dựng.

3 Tiêu dùng nội địa củng cố đà tăng trưởng
Tiêu dùng Q3 tăng 8.96%, dịch vụ tăng 9.54%.

Chi tiết ở trang sau

2. Lạm phát vượt 5% khi giá dầu tăng trở lại, bên cạnh sức ép từ giá vật liệu xây dựng và thực phẩm.

Đóng góp nhóm ngành vào lạm phát (%, YoY)



Các nguyên nhân chính neo lạm phát ở mức cao

1 Giá dầu tăng do căng thẳng Mỹ - Iran
Giá dầu thế giới tăng trở lại, kéo theo giá xăng dầu trong nước tăng cao.
(Đóng góp ~1.0%)

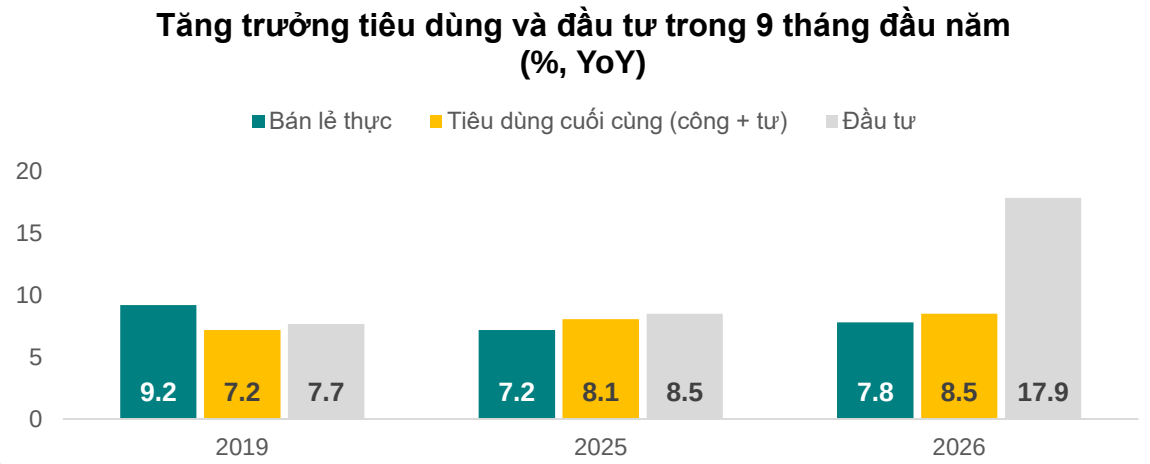
2 Nhu cầu xây dựng gây sức ép lên giá vật liệu
Đẩy mạnh triển khai các dự án hạ tầng tạo áp lực lên mặt bằng giá.
(Đóng góp ~0.3%)

3 Chi phí vận tải gây áp lực lên giá
Chi phí vận tải tăng gây sức ép lên chi phí đầu vào, làm tăng giá thực phẩm và dịch vụ thiết yếu.
(Đóng góp ~0.7%)

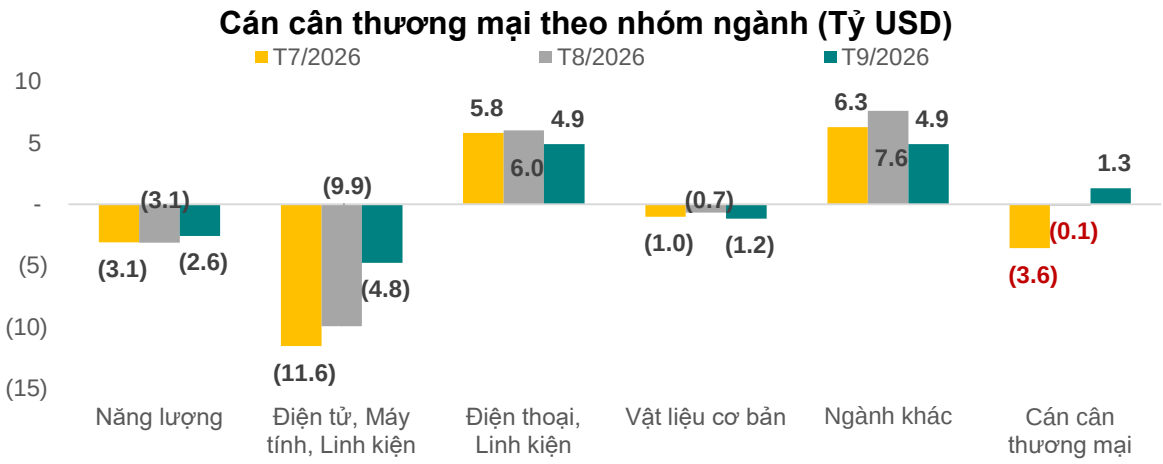
Nguồn: NSO, Ceic data

Tăng trưởng đầu tư cao hơn tiêu dùng làm cán cân thương mại thâm hụt. Thanh khoản đang dần cải thiện.

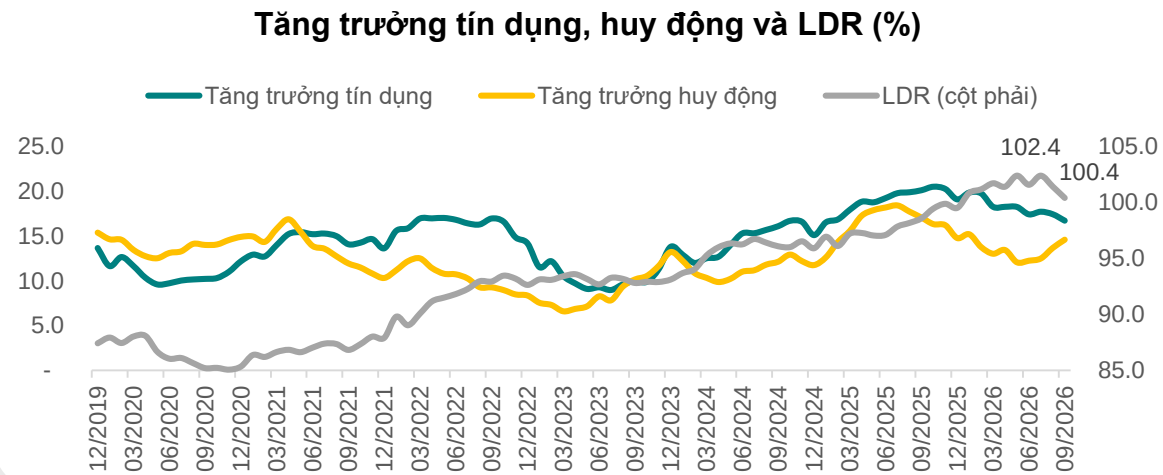
1. Tiêu dùng (công + tư) hồi phục nhưng cán lẻ chưa đạt trước đại dịch, tăng trưởng tập trung nhiều vào đầu tư và chi tiêu nhà nước



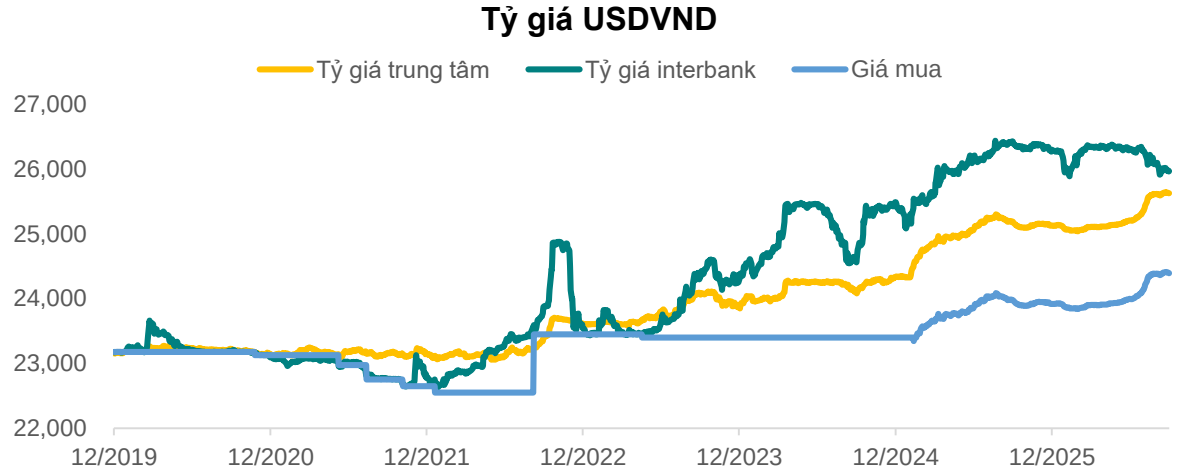
2. Cán cân thương mại đảo chiều sang thâm hụt khi nhập siêu gia tăng ở nhóm năng lượng và thiết bị điện tử



3. Thanh khoản hệ thống có sự cải thiện với gap tăng trưởng tín dụng/ huy động thu hẹp và LDR giảm.



4. Áp lực tỷ giá giảm nhưng khả năng mua USD vẫn còn hạn chế, khiến cho lãi suất chưa giảm rõ rệt.



Nguồn: NSO, SBV, batdongsan.com.vn, Ceic data, VPBank

Điểm sáng

Tiêu điểm 9 tháng năm 2026: Duy trì đà tăng trưởng tích cực, vững vàng hướng tới mục tiêu cả năm

TĂNG TRƯỞNG QUY MÔ

Nền tảng vững chắc thúc đẩy tăng trưởng toàn diện

200
Nghìn tỷ đồng
Vốn chủ sở hữu

1.6
triệu tỷ đồng
Tổng tài sản
#1 Ngân hàng tư nhân

29.9
nghìn tỷ đồng
PBT
Nằm trong nhóm dẫn đầu

2
Tỷ USD
Tổng huy động vốn quốc tế

BẢNG CÂN ĐỐI VỮNG MẠNH

Thanh khoản dồi dào tạo dư địa cho tăng trưởng quy mô tài sản

GIA TĂNG GIÁ TRỊ CỔ ĐÔNG

Hoàn tất chi trả cổ tức bằng cổ phiếu, đảm bảo cam kết với cổ đông

26.04%
Tỷ lệ cổ tức bằng cổ phiếu

>40 triệu
Khách hàng

MỞ RỘNG HỆ SINH THÁI KHÁC BIỆT

Việc VPLife thành lập giúp phát huy sức mạnh cộng hưởng hệ sinh thái và tăng cường gắn kết khách hàng

Kết quả kinh doanh 9 tháng năm 2026

Riêng lẻ I Hợp nhất VPBankS

Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng lẻ chưa kiểm toán tại 30.09.2026

Tiêu điểm tài chính 9 tháng năm 2026 của ngân hàng mẹ

Đơn vị: Tỷ đồng, %

DƯ NỢ CẤP TÍN DỤNG

1,101,718

29.7% YTD

Tăng trưởng mạnh mẽ trên tất cả các phân khúc và ngành trọng tâm

HUY ĐỘNG KHÁCH HÀNG

958,220

32.7% YTD

Nguồn vốn đa dạng hỗ trợ mở rộng bảng cân đối

TOI

48,864

32.6% YoY

Tăng trưởng mạnh mẽ từ hoạt động cốt lõi của ngân hàng

OPEX

10,266

12.3% YoY

CIR

21.0%

9T25: 24.8%

Kiểm soát OPEX chặt chẽ, duy trì hiệu quả chi phí

CHI PHÍ DỰ PHÒNG

13,353

25.5% YoY

CHI PHÍ TÍN DỤNG

1.65%

9T25: 1.79%

NPL (Thông tư 31)

2.06%

2025: 2.03%

Tỷ lệ NPL tăng nhẹ nhưng vẫn trong tầm kiểm soát

PBT

25,246

47.9% YoY

ROA

2.0%

9T25: 1.8%

ROE

19.0%

9T25: 14.9%

Các chỉ số hiệu quả hoạt động tiếp tục cải thiện

Chi phí tín dụng bao gồm chi phí thu hồi nợ và thu từ nợ đã xử lý rủi ro

Nguồn: BCTC riêng lẻ chưa kiểm toán tại 30.09.2026

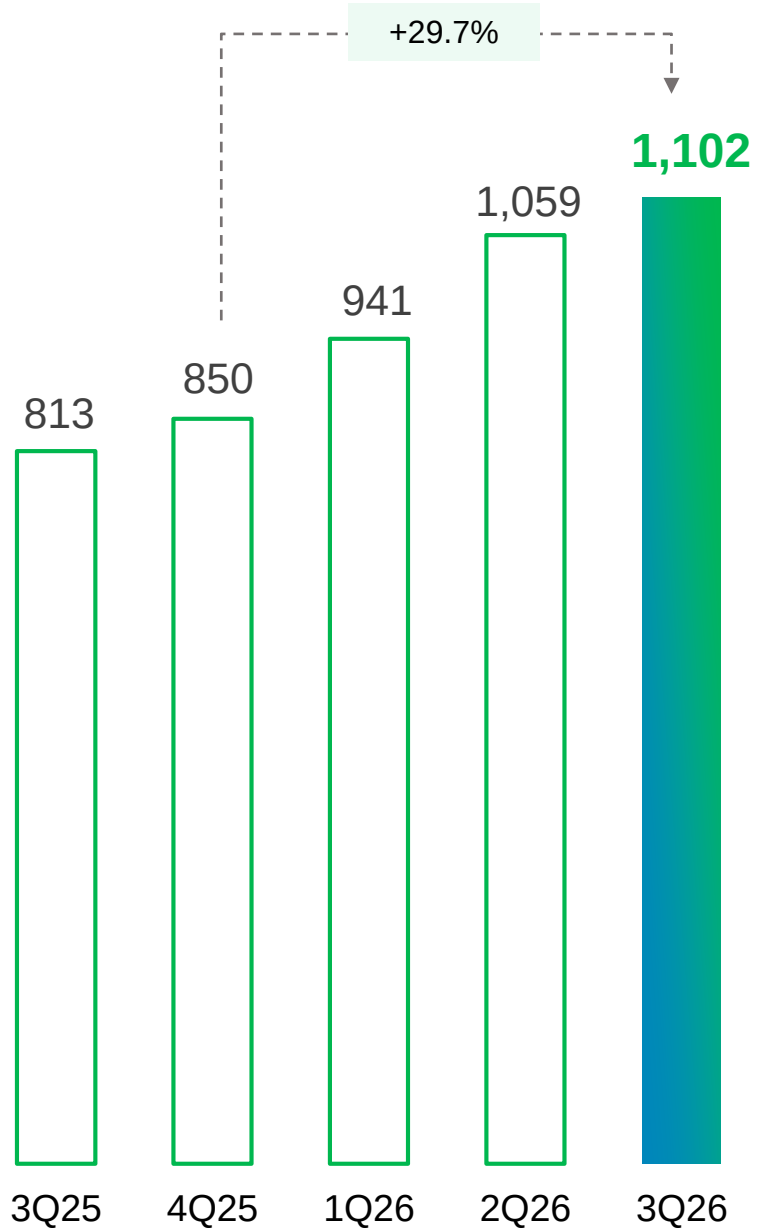
Dư nợ cấp tín dụng

1,102 Nghìn tỷ đồng

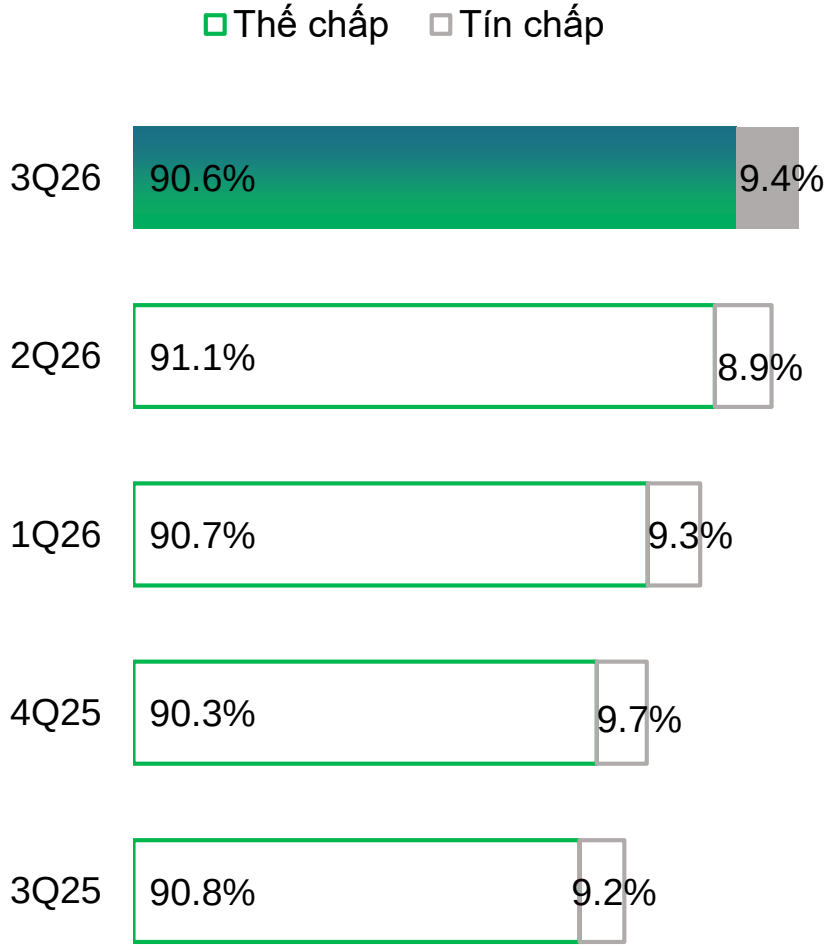
+29.7% YTD +4% QoQ

Tín dụng duy trì tăng trưởng tích cực

- KHCN tăng 10% QoQ (+27.3% YTD) với động lực tăng trưởng chuyển dịch từ thế chấp sang tín chấp. Dư nợ tín chấp tiếp tục đà tăng (UPL +41.7% YTD) nhờ mở rộng tệp khách hàng và gia tăng giải ngân qua kênh đối tác.
- KHDN bao gồm SME duy trì cho vay đa dạng ngành nghề, trong đó các lĩnh vực trọng tâm +27.8% YTD và đóng góp ~39% tổng dư nợ KHDN.



Đơn vị: Nghìn tỷ đồng, %



Thế chấp
+ 30.1% YTD
+ 3.7% QoQ

Tín chấp
+ 25.2% YTD
+ 10.2% QoQ

Dư nợ tín chấp bao gồm KHCN và doanh nghiệp SME

NPL (Thông tư 31)

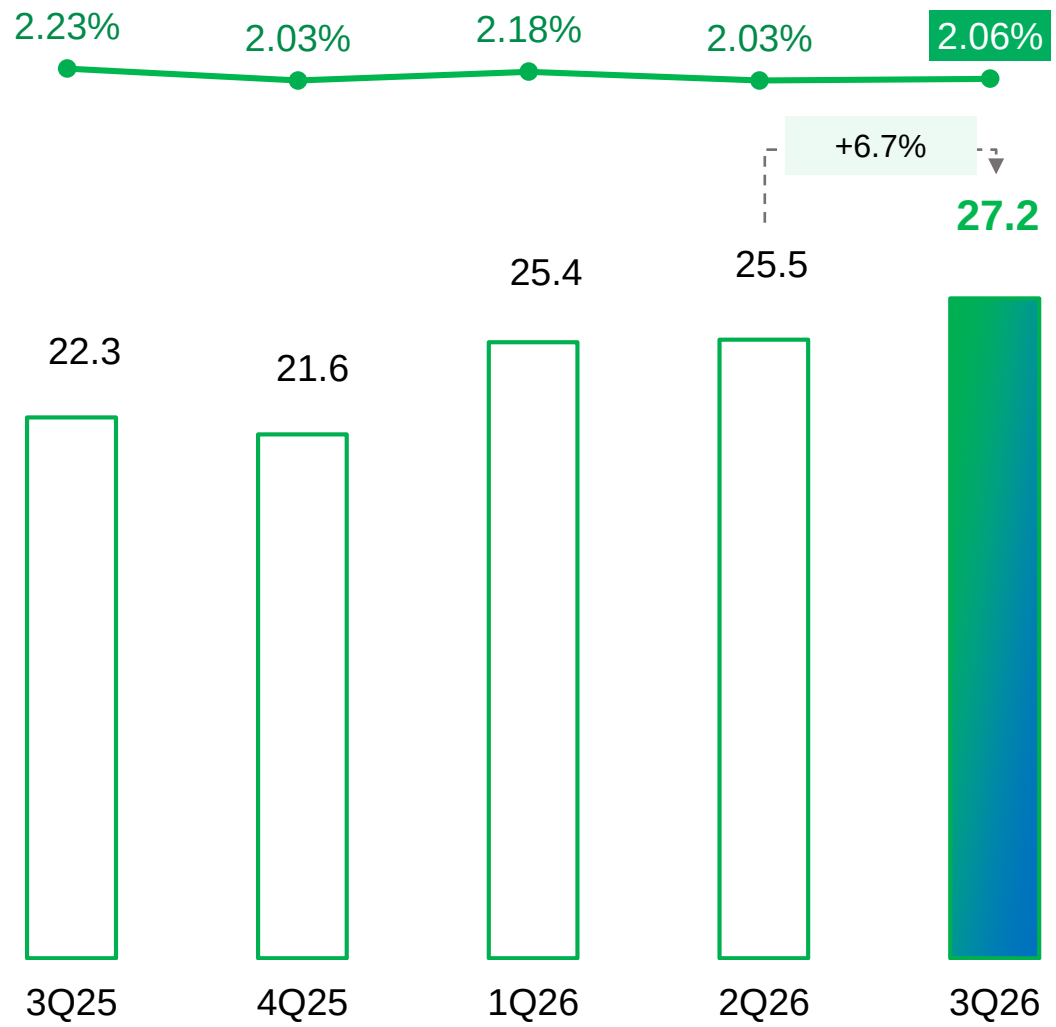
2.06%

+3 bps vs. 2Q26

Tỷ lệ nợ xấu tăng nhẹ

- Môi trường lãi suất cao và thanh khoản thị trường kém thuận lợi ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của khách hàng mặc dù chất lượng nợ vẫn nằm trong tầm kiểm soát và trong kế hoạch ĐHĐCĐ.
- Tỷ lệ nợ nhóm 2 tăng 28 bps QoQ chủ yếu do danh mục khách hàng cá nhân, đồng thời chất lượng tài sản tại một số phân khúc SME có dấu hiệu suy giảm.
- Chi phí tín dụng sau thu hồi nợ duy trì quanh mức 1.7%.

Tỷ lệ nợ xấu (Nghìn tỷ đồng, %)



Nợ nhóm 2

2.85%

▲ 28 bps QoQ

Chi phí tín dụng

1.65%

9T25: 1.79%

Tỷ lệ bao phủ nợ xấu

67.6%

9T25: 69.8%

Chi phí tín dụng đã bao gồm thu hồi nợ và chi phí thu hồi nợ. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu bao gồm phần nợ đã xử lý.

Tổng huy động

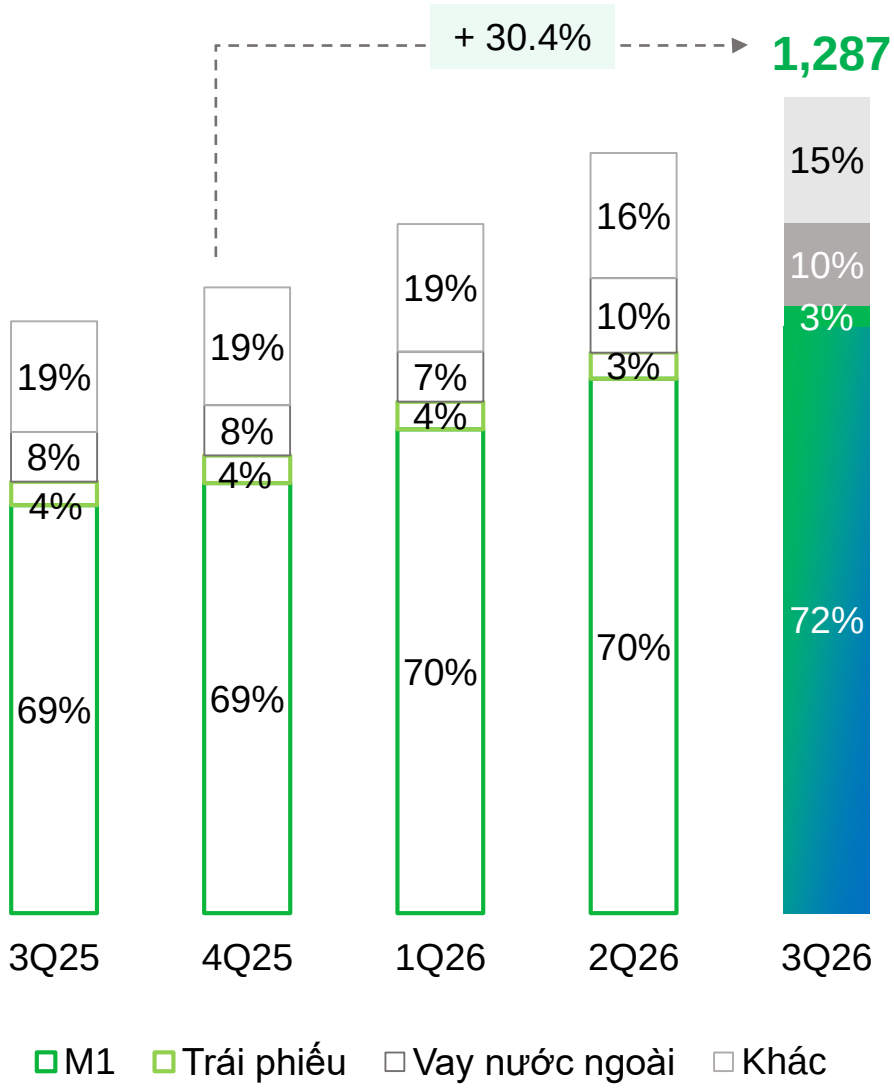
1,287 Nghìn tỷ đồng

+30.4% YTD +7.3% QoQ

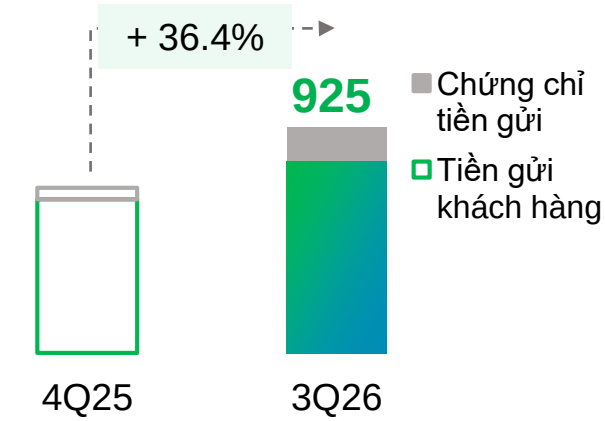
Tăng trưởng huy động vượt tăng trưởng tín dụng

- Huy động M1 tăng mạnh 36.4% YTD. Huy động KHCN tiếp tục là động lực, +35.9% YTD với cơ cấu kỳ hạn dịch chuyển sang trung dài hạn.
- CASA phục hồi QoQ nhờ đẩy mạnh thu hút khách hàng và tăng cường khai thác trên các nền tảng số.
- Thanh khoản vững chắc với các chỉ số an toàn tuân thủ theo quy định của NHNN.

Cơ cấu huy động (theo loại) (Nghìn tỷ đồng, %)



Tiền gửi M1



CASA

111 Nghìn tỷ

+15% YTD

Tỷ lệ CASA **14.1%**

Các chỉ tiêu an toàn

LDR	**82%**
Vốn NH cho vay TDH	**19.9%**

M1 bao gồm Tiền gửi khách hàng và Chứng chỉ tiền gửi; Khác bao gồm LC UPAS, MM và vay từ NHNN

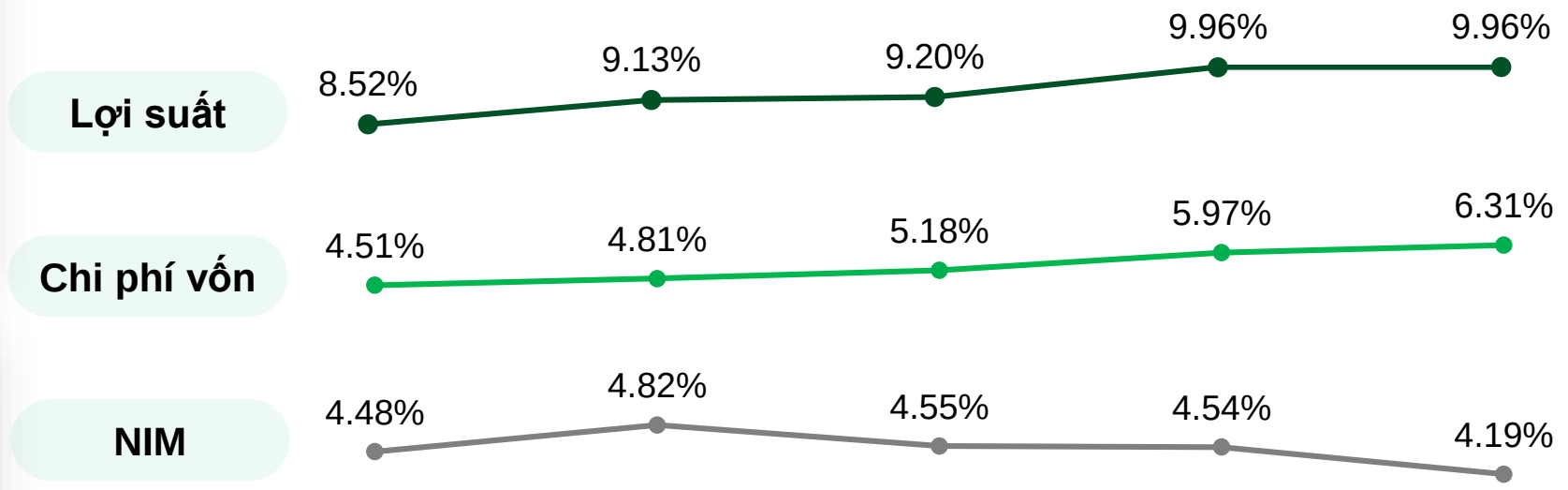
NIM

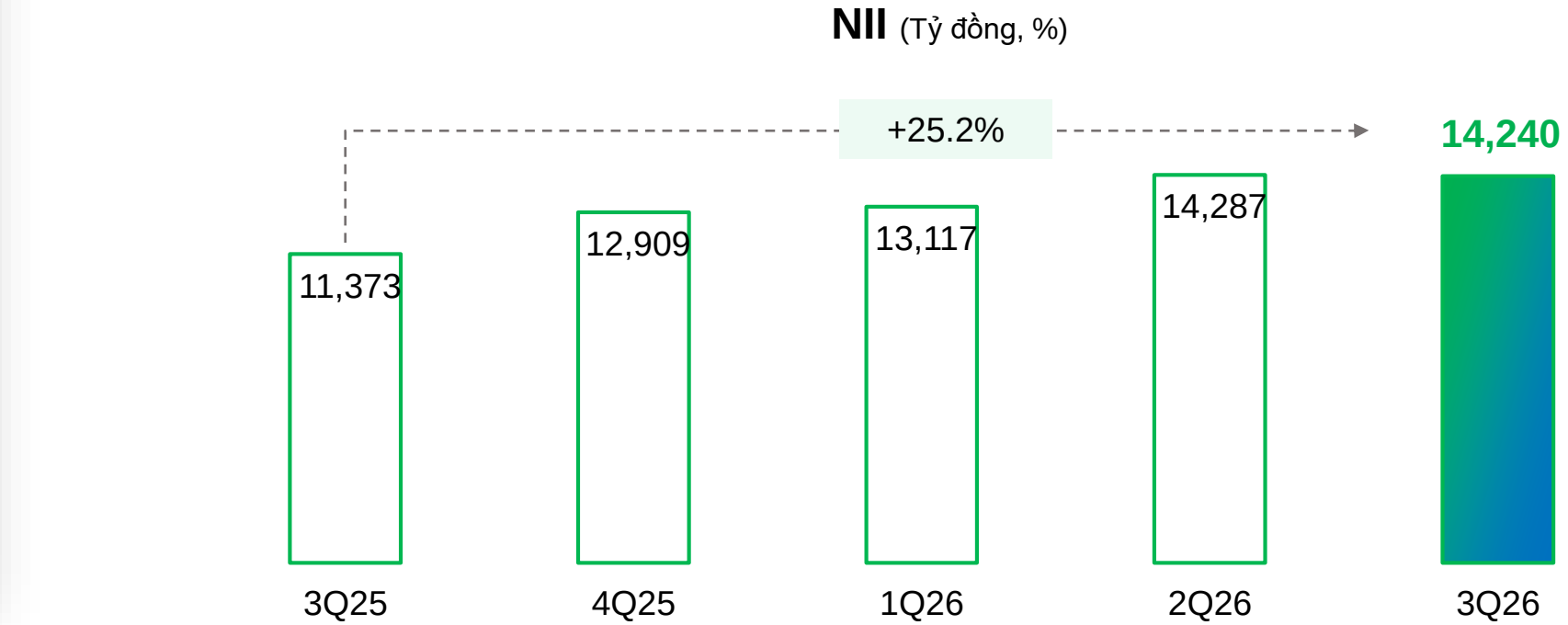
4.19%

-35 bps vs. 2Q26

NIM chịu áp lực từ ảnh hưởng chi phí vốn tăng

- Biến động lãi suất ảnh hưởng đến chi phí vốn, khiến COF tiếp tục tăng trong Q3. Tuy nhiên, tốc độ gia tăng của COF đã có dấu hiệu chậm lại trong quý.
- Thu nhập lãi thuần tăng 25.2% YoY, nhờ tăng trưởng tín dụng tích cực khi NIM thu hẹp.





Thu nhập từ hoạt động dịch vụ

7,742 tỷ đồng

+40.0% YoY +29.7% QoQ

Thu nhập ngoài lãi

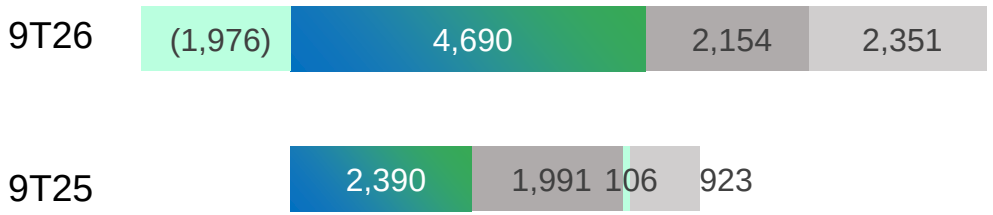
7,220 tỷ đồng

+33.4% YoY +36.1% QoQ

Thu nhập phí bứt phá, đóng góp tích cực vào doanh thu

- Thu nhập từ hoạt động dịch vụ tăng mạnh từ tất cả các nhóm sản phẩm cốt lõi.
- Lỗ thuần từ tài sản tài chính đến từ chi phí swap của các khoản vay vốn quốc tế.
- Bối cảnh thị trường vẫn còn nhiều thách thức, ảnh hưởng đến tiến độ thu hồi và xử lý nợ.

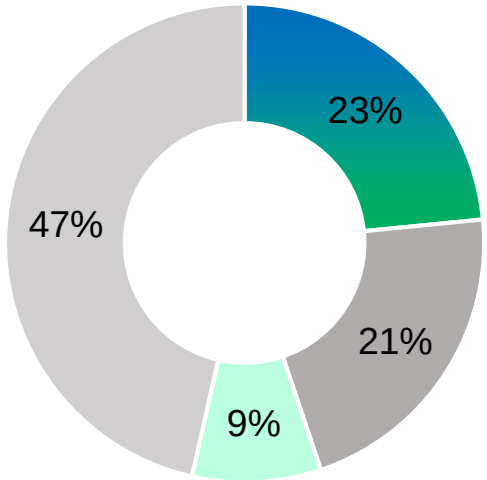
Cấu trúc thu nhập ngoài lãi (Tỷ đồng)



(*) Thu nhập ngoài lãi khác bao gồm cổ tức, lãi và lỗ từ các công cụ tài chính phái sinh khác và thu từ hợp đồng hợp tác với các đối tác

	%YoY
NFI	+96.2%
Thu từ nợ đã xử lý	+8.2%
Thu thuần tài sản tài chính	-20x
Thu nhập ngoài lãi khác *	+154.7%

Hoạt động dịch vụ ngân hàng - Thu nhập từ hoạt động dịch vụ 9T26



	%YoY
Hoạt động thanh toán	+20.7%
Thẻ	+12.3%
Bảo hiểm	+60.4%
Khác	+68.8%

Hoạt động thanh toán & Thu hút khách hàng bao gồm LC, thanh toán LC, thanh toán quốc tế, nội địa và POS

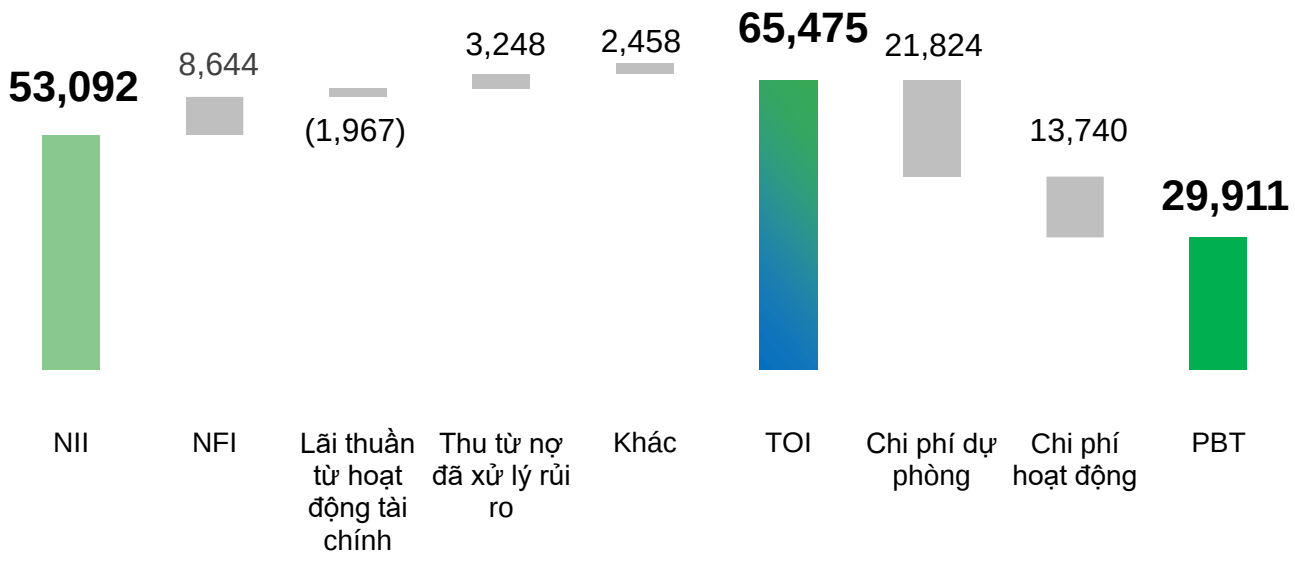
Thu nhập phí khác: Phí tài khoản, phí tư vấn…

Kết quả kinh doanh ngân hàng hợp nhất

Đơn vị: Tỷ đồng, %

HỢP NHẤT

Tổng tài sản	Dư nợ cấp tín dụng	Huy động khách hàng
1,610,787	1,231,837	986,742
+ 27.8% YTD	+ 28.1% YTD	+ 34.2% YTD
Vốn chủ sở hữu	**ROA**	**ROE**
200,078	2.2%	17.5%
CAR 13.84%	9T25: 2.0%	9T25: 14.5%



	NII	NFI	Lãi thuần từ hoạt động tài chính	Thu từ nợ đã xử lý rủi ro	Khác	TOI	Chi phí dự phòng	Chi phí hoạt động	PBT
%YoY	26.7%	76.3%	-205.0%	12.7%	260.1%	25.3%	14.0%	8.1%	46.7%

VPBank

Dư nợ cấp tín dụng	PBT
1,101,718	25,246
+ 29.7% YTD	+ 47.9% YoY

VPBank Securities

Cho vay ký quỹ	PBT
39,869	3,516
+ 16.9% YTD	+ 7.9% YoY

OPES The Digital Insurer

Doanh thu bảo hiểm gốc	PBT
4,334	917
+ 30.5% YoY	+ 102% YoY

FE CREDIT VAY TIÊU DÙNG TÍN CHẤP

Dư nợ cấp tín dụng	PBT
72,112	311
+ 12.1% YTD	

GPBank *(Không hợp nhất)*

Dư nợ cấp tín dụng	PBT
+ 27.8% YTD	1,064

Điểm sáng 9 tháng năm 2026

VPBank Securities

10,597
Tỷ đồng

Tổng doanh thu

#1 toàn ngành

3,516
Tỷ đồng

PBT

#4 toàn ngành

TOP 10

Thị phần môi giới trên sàn HOSE và HNX

83,312
Tỷ đồng

Tổng tài sản

#3 toàn ngành

39,869
Tỷ đồng

Cho vay ký quỹ và ứng trước

#2 toàn ngành

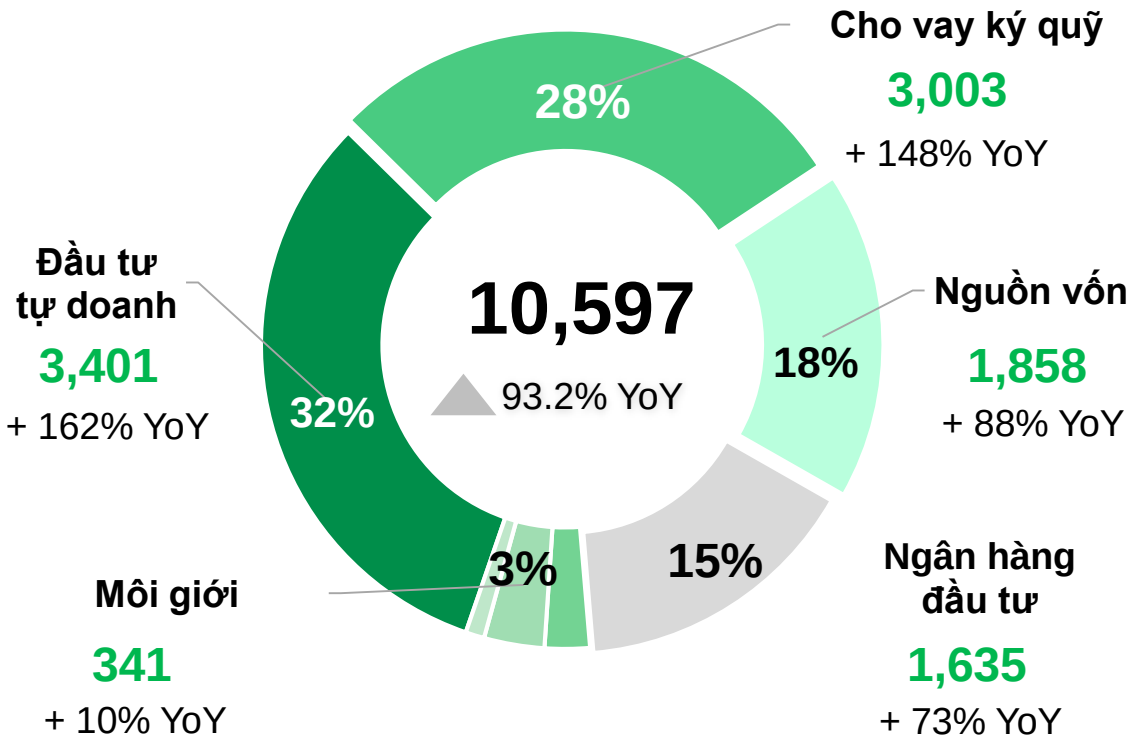
36,282
Tỷ đồng

Vốn chủ sở hữu

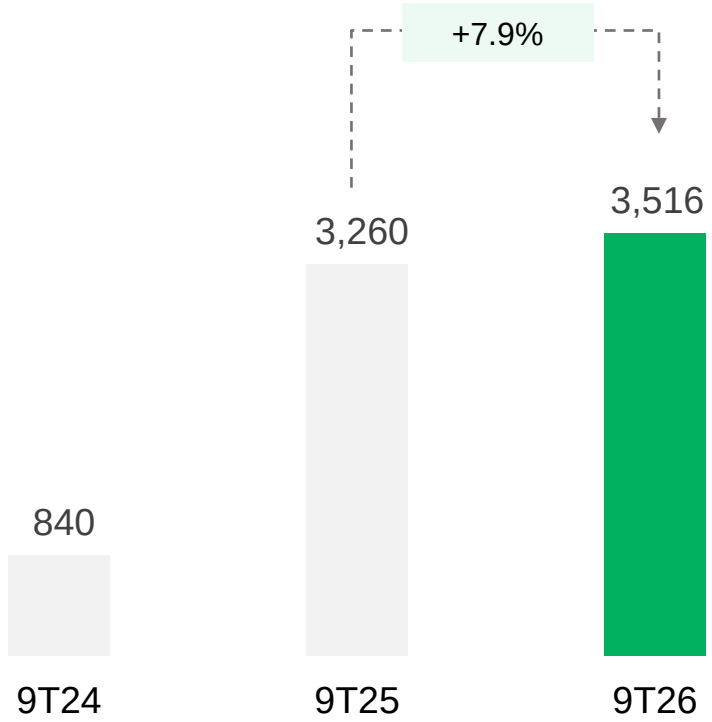
45% Trả cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ

Đa dạng động lực tăng trưởng thúc đẩy kết quả kinh doanh 9 tháng năm 2026

Cơ cấu doanh thu (Tỷ đồng, %)



Lợi nhuận trước thuế (Tỷ đồng, %)



Khai thác tối đa tiềm năng hoạt động ngân hàng đầu tư nhờ lợi thế hệ sinh thái VPBank

Năng lực bảo lãnh phát hành dẫn đầu thị trường với khung quản trị rủi ro toàn diện

Năng lực thu xếp giao dịch và tư vấn nhờ mạng lưới khách hàng doanh nghiệp lớn

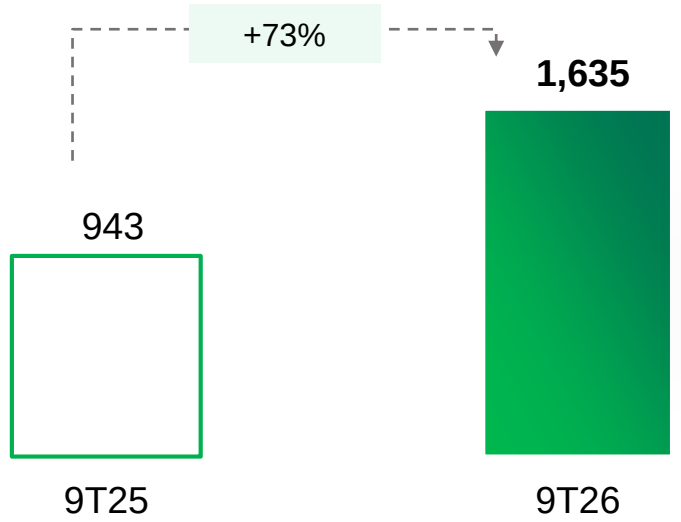
Năng lực phân phối mạnh mẽ nhờ mạng lưới đối tác rộng khắp

240,000	30,000+	40 triệu
Khách hàng SME	Nhân sự	Khách hàng trên khắp hệ sinh thái

Giá trị tư vấn phát hành

DCM	ECM
26,780	5,004
Tỷ đồng	Tỷ đồng

Doanh thu mảng ngân hàng đầu tư (Tỷ đồng)

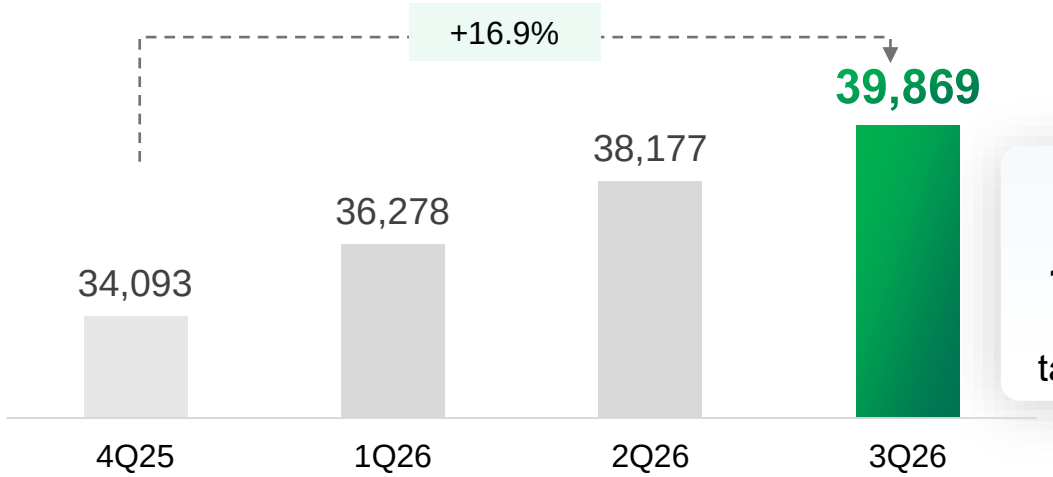


#2
toàn ngành

Tăng trưởng doanh thu cho vay ký quỹ và môi giới nhờ nền tảng khách hàng gia tăng

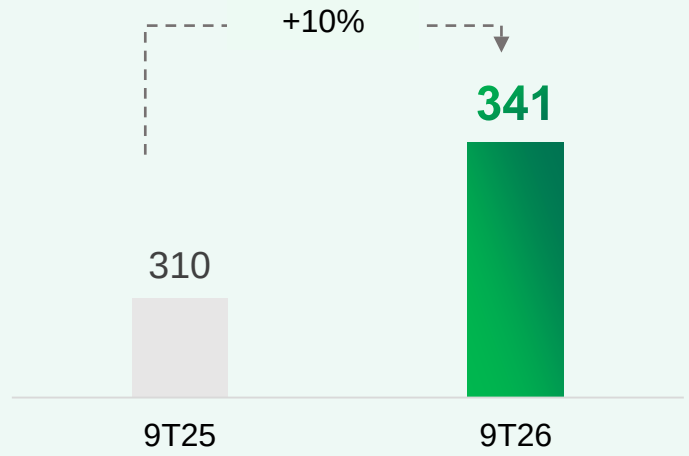
Đơn vị: Tỷ đồng

Dư nợ cho vay ký quỹ và ứng trước

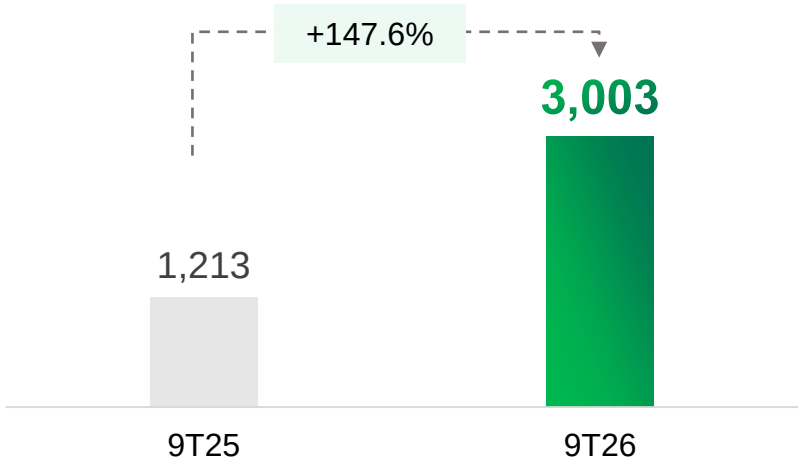


~33,000
Dư địa tăng trưởng

Doanh thu môi giới



Doanh thu cho vay ký quỹ



Thị phần môi giới

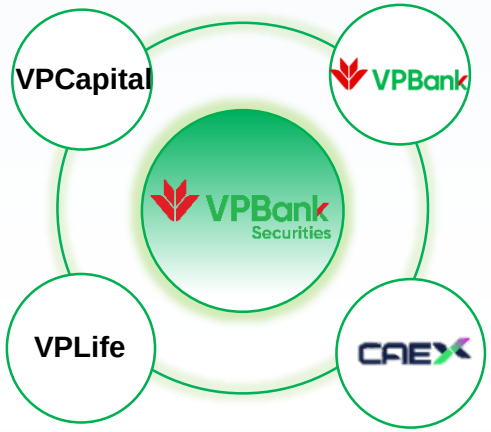
2.81%
Top 10
Trên HoSE

3.51%
Top 6
Trên HNX

Xây dựng nền tảng WealthTech tích hợp trong toàn bộ hệ sinh thái VPBank

Nền tảng quản lý tài sản hỗ trợ bởi hệ sinh thái

Kết nối liền mạch tất cả thành viên trong hệ sinh thái nhằm phát triển các giải pháp đầu tư toàn diện



Cá nhân hóa các sản phẩm và dịch vụ quản lý gia sản

VPBankS - Private wealth

- Tư vấn đầu tư và xây dựng danh mục theo nhu cầu khách hàng
- Danh mục sản phẩm đầu tư đa dạng cùng các cơ hội đầu tư độc quyền

Chứng chỉ quỹ | Trái phiếu

Nâng cao trải nghiệm đầu tư số

Phân tích đầu tư thông minh

- Sàng lọc cổ phiếu và giám sát rủi ro bằng AI

Trải nghiệm quản lý tài sản số

- eConnect - Nền tảng giao dịch trái phiếu thứ cấp trên VPBank NEO
- ePortfolio – Đầu tư vào danh mục định sẵn
- Fundmart – Tập hợp đầy đủ các quỹ uy tín nhất cho khách hàng

NEOInvest

Số lượng khách hàng

1.6 triệu

+ 10% QoQ + 41.7% YTD

Doanh số phân phối các sản phẩm đầu tư

34,853

Tỷ đồng

Hệ sinh thái — Gia tăng khách hàng

Quản lý gia sản — Nâng cao giá trị

Số hóa — Mở rộng quy mô

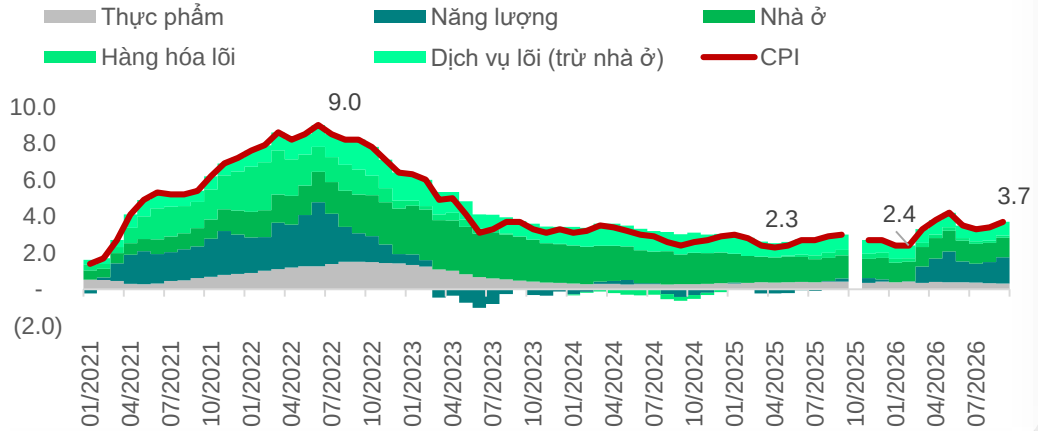
Triển vọng kinh doanh

Môi trường quốc tế chưa thuận lợi, tăng trưởng tiếp tục phụ thuộc vào đầu tư công, sản xuất và FDI



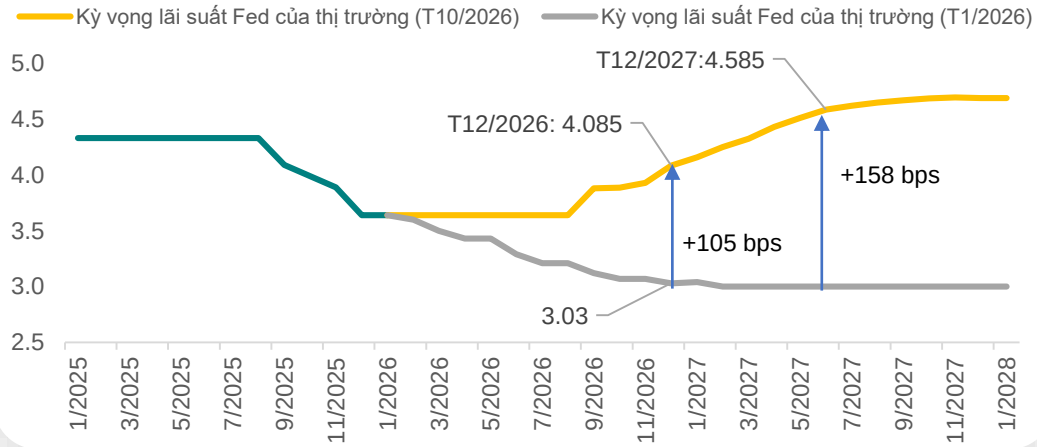
1. Nếu giá dầu tiếp tục neo cao, lạm phát có thể lan sang lĩnh vực thực phẩm, hàng hóa và dịch vụ lõi, khiến FED thận trọng

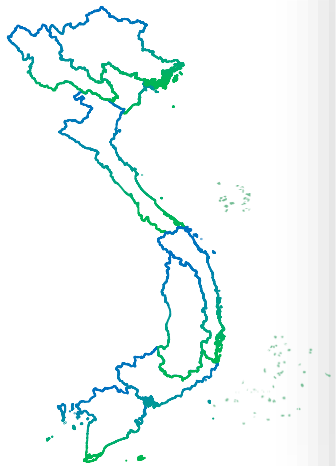
Cơ cấu đóng góp CPI Mỹ (%, YoY)



2. Lạm phát dai dẳng và kinh tế Mỹ vững chắc khiến thị trường không kỳ vọng Fed giảm lãi suất

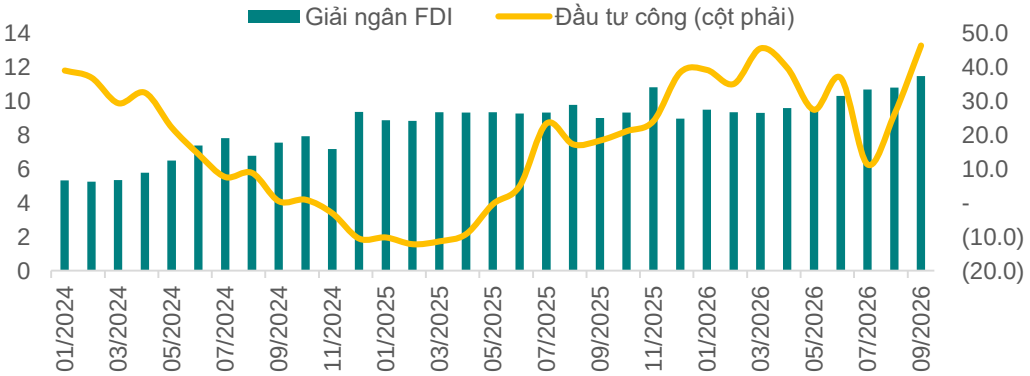
Lộ trình lãi suất theo hướng thắt chặt (%)





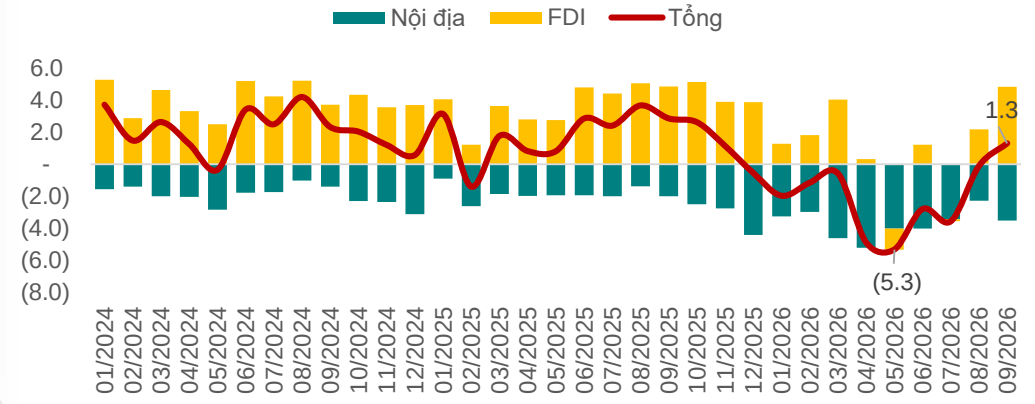
3. Giải ngân đầu tư công và FDI tăng tốc, dự kiến tiếp tục là động lực tăng trưởng chính

Tăng trưởng giải ngân FDI và đầu tư công 12 tháng liên tục (%, YoY)



4. Mùa xuất khẩu cuối năm đi kèm điều kiện lãi suất cao trong nước có thể cải thiện đáng kể cán cân thương mại.

Cán cân thương mại (Tỷ USD)

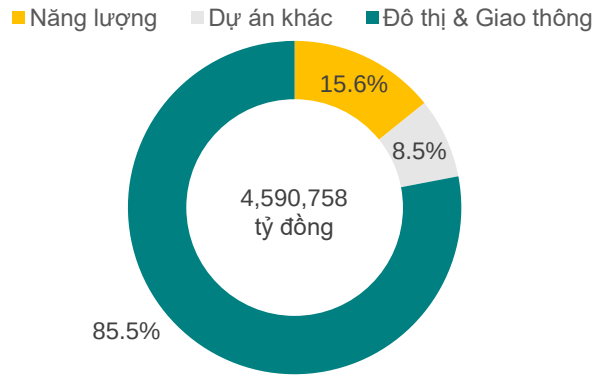


Nguồn: IEA, EIA, BEA, NSO, Ceic data

Lãi suất huy động sẽ phụ thuộc vào chính sách về đầu tư của Chính phủ.

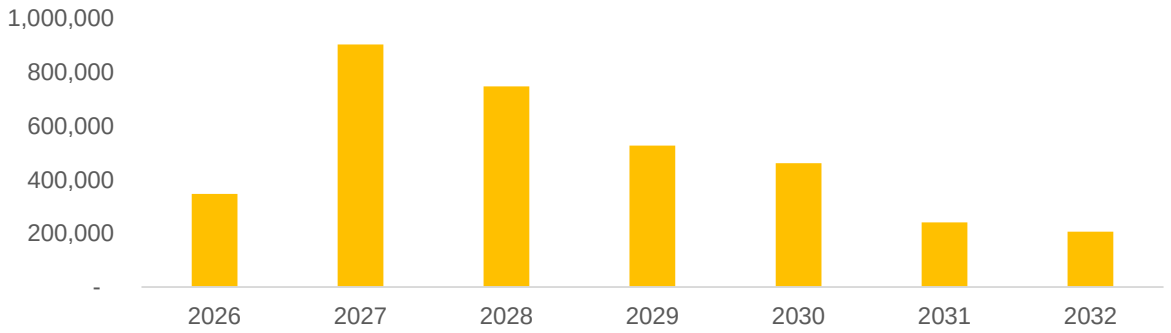
1. Nhu cầu vốn tư nhân từ các dự án PPP lớn khiến cầu tín dụng tăng mạnh, áp lực lên lãi suất thời điểm hiện tại

Cơ cấu vốn đầu tư dự án tiêu biểu theo phương thức PPP và vốn tư nhân



2. Năm 2026 chủ yếu ở giai đoạn lập kế hoạch và triển khai ban đầu, trước khi các dự án bước vào thực thi và nhu cầu giải ngân tăng mạnh từ năm 2027

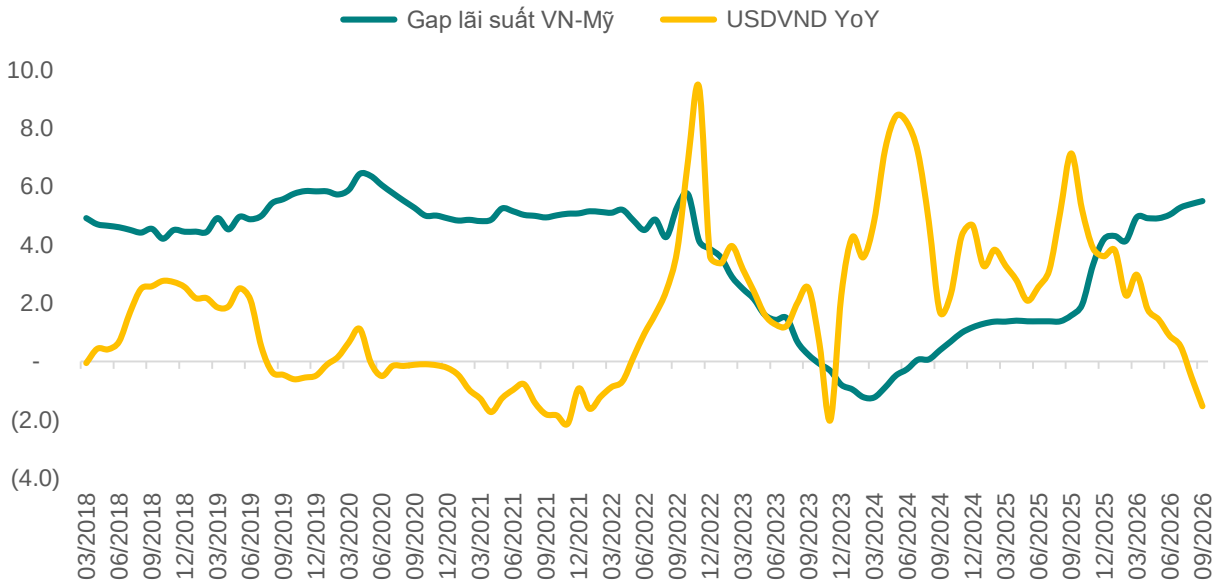
Nhu cầu vốn ước tính cho 25 dự án hạ tầng đô thị giao thông tiêu biểu quốc gia giai đoạn 2026 – 2032 (tỷ đồng)



Ước tính dòng tiền dự án ra đều trong khoảng thời gian kế hoạch, thực tế khả năng khác

3. Trong môi trường lãi suất cao, giá trị đồng tiền Việt Nam được tăng lên

Gap lãi suất và tỷ giá (%)



Lãi suất

Thanh khoản thị trường interbank cải thiện, các ngân hàng vẫn còn khá thận trọng trong việc hạ lãi suất

Tỷ giá

Mức gap lãi suất cao khiến tỷ giá USDVND giảm nhẹ do việc nắm giữ tiền đồng trở nên hấp dẫn hơn so với ngoại tệ và các tài sản rủi ro khác.

Nguồn: Tổng hợp từ báo chí, Investing.com, CEIC, VPBank

Thực hiện 9T2026

Tăng trưởng tín dụng	29.7%
Tăng trưởng huy động	32.7%
NPL (TT 31)	2.06%
NIM	4.42%
CIR	21.0%

TRỌNG TÂM TRONG QUÝ 4/2026

1 Tăng trưởng chất lượng

- Duy trì thanh khoản dồi dào với tăng trưởng huy động vượt tăng trưởng tín dụng.
- Bám sát mục tiêu tăng trưởng tín dụng cả năm theo kế hoạch ĐHĐCĐ. Đối với RB và SME, tiếp tục tối ưu hóa cơ cấu sản phẩm, đẩy mạnh các sản phẩm có lợi suất cao. Ưu tiên KHDN có chất lượng tín dụng tốt và hoạt động trong lĩnh vực trọng tâm, đồng thời tài trợ có chọn lọc các dự án thuộc lĩnh vực ưu tiên của Chính phủ như hạ tầng, giao thông và năng lượng.
- Chủ động kiểm soát các rủi ro tác động đến khả năng trả nợ của RB và SME trong môi trường mặt bằng lãi suất cao, hướng tới mục tiêu NPL riêng lẻ dưới 2.5% và chi phí tín dụng dưới 1.5% thông qua thẩm định tín dụng, giám sát danh mục chặt chẽ và tăng cường các giải pháp xử lý, thu hồi nợ.

2 Bám sát kế hoạch lợi nhuận năm

- Áp lực COF có thể tiếp tục duy trì trong thời gian tới, tuy nhiên việc tối ưu hóa cơ cấu danh mục, điều hành chính sách giá và kiểm soát chất lượng nợ được kỳ vọng sẽ giảm thiểu áp lực và ổn định NIM.
- Đầu tư vào công nghệ AI, dữ liệu và con người, tăng cường xây dựng các CoE và SSC nhằm nâng cao năng lực cộng hưởng hệ sinh thái. Duy trì tỷ lệ CIR quanh 24% - 25%.
- Mục tiêu tiếp tục cải thiện các chỉ tiêu sinh lời ROE và ROA.

Triển vọng kinh doanh - VPBankS

VPBank Securities

TĂNG TRƯỞNG

Duy trì đà tăng trưởng mạnh mẽ từ mảng ngân hàng đầu tư thông qua triển khai các thương vụ DCM và ECM quy mô lớn ở cuối năm.

CỘNG HƯỞNG HỆ SINH THÁI

Tiếp tục phát huy sức mạnh cộng hưởng hệ sinh thái VPBank Group, gia tăng cơ hội bán chéo và mở rộng độ phủ khách hàng ở cả phân khúc doanh nghiệp và cá nhân.

VPBank Securities

SẢN PHẨM

Đẩy mạnh phát triển sản phẩm và ra mắt các giải pháp đầu tư, quản lý tài sản nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đa dạng của khách hàng, đồng thời đa dạng hóa nguồn thu.

NỀN TẢNG

Tích hợp toàn diện nền tảng VPBankS vào hệ sinh thái VPBank và các thành viên trong tập đoàn để nâng cao trải nghiệm khách hàng và cung cấp các giải pháp tài chính toàn diện hơn.

Định nghĩa các chỉ số

1. Tỷ lệ chi phí/ thu nhập (CIR)	Chi phí hoạt động/ Tổng thu nhập hoạt động
2. ROE (Hợp nhất)	Lợi nhuận sau thuế/ Bình quân tổng vốn chủ sở hữu
3. ROA (Hợp nhất)	Lợi nhuận sau thuế/ Bình quân tổng tài sản
4. ROE (Riêng lẻ)	Lợi nhuận sau thuế loại trừ LN công ty con chuyển về/ Bình quân VCSH loại trừ đầu tư vào công ty con
5. ROA (Riêng lẻ)	Lợi nhuận sau thuế loại trừ LN công ty con chuyển về/ Bình quân tổng tài sản loại trừ đầu tư vào công ty con
6. Tỷ lệ nợ xấu theo Thông tư 31	Tổng dư nợ tín dụng nhóm 3-5/ Tổng số dư tín dụng chịu rủi ro theo TT31
7. Chi phí tín dụng	(Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng – Trích lập dự phòng trái phiếu đặc biệt - Thu nhập từ nợ đã xử lý rủi ro + chi phí thu hồi nợ) / Bình quân cho vay khách hàng
8. Chi phí vốn (COF)	Chi phí lãi / Bình quân tổng vốn huy động
9. Thu nhập trên tài sản sinh lời	Thu nhập lãi / Bình quân tài sản sinh lời
10. NIM	Thu nhập lãi thuần / Bình quân tài sản sinh lời
11. Dư nợ cấp tín dụng	Cho vay khách hàng + Trái phiếu doanh nghiệp + Mua nợ

Giải thích thuật ngữ

ADB	Ngân hàng Phát triển châu Á
CAR	Chỉ số an toàn vốn
CASA	Tiền gửi không kỳ hạn
CD	Chứng chỉ tiền gửi
CIR	Tỷ lệ chi phí trên doanh thu
COF	Chi phí vốn
CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
CGBB	Chuyển giao bắt buộc
DXY	Chỉ số Đô la Mỹ
FED	Cục dự trữ liên bang Mỹ
FDI	Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GSO	Tổng cục thống kê
LDR	Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi
NFI	Thu nhập phí ròng
NHTW	Ngân hàng Trung ương
NII	Thu nhập lãi ròng
NIM	Biên lãi ròng
NOXH	Nhà ở xã hội
NPL	Nợ xấu
OPEX	Chi phí hoạt động
PBT	Lợi nhuận trước thuế
RB	Khách hàng cá nhân
ROA	Lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu bình quân
ROE	Lợi nhuận/ Tổng tài sản bình quân
SBV	Ngân hàng nhà nước
SME	Doanh nghiệp vừa và nhỏ
TOI	Tổng thu nhập hoạt động
TTTD	Tăng trưởng tín dụng
TTHĐ	Tăng trưởng huy động
YTD	Lũy kế
YOY	Cùng kỳ
CCCC	Chung cư cao cấp
EM	Các thị trường mới nổi
MM	Thị trường liên ngân hàng
MA	Trung bình biến động
CSDL	Cơ sở dữ liệu
GRDP	Tổng sản phẩm quốc nội trên địa bàn
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng Cổ đông
TGDĐ	Thế Giới Di Động
DMX	Điện Máy Xanh
TMĐT	Thương mại điện tử
ECM	Thị trường vốn
DCM	Thị trường nợ
XNK	Xuất nhập khẩu
ACGS	Thẻ điểm quản trị doanh nghiệp Asean
FVTPL	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ

Thông báo miễn trừ trách nhiệm

Tài liệu này được Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("VPBank") chuẩn bị và chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. Tài liệu cung cấp thông tin tổng quan về hoạt động của VPBank tính đến thời điểm công bố và chỉ được trình bày dưới dạng tóm lược, không nhằm mục đích đầy đủ, toàn diện hoặc chi tiết.

Tài liệu này không cấu thành, và không được hiểu là, một đề nghị, lời mời chào, khuyến nghị hoặc chào mời mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào do VPBank phát hành tại bất kỳ quốc gia hay khu vực pháp lý nào. Tài liệu cũng không phải là cơ sở để đưa ra bất kỳ quyết định đầu tư nào và không xét đến mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ nhà đầu tư nào. Các bên nhận tài liệu có trách nhiệm tự đánh giá độc lập và tham khảo ý kiến từ các chuyên gia tư vấn phù hợp, bao gồm tư vấn pháp lý, thuế, kế toán và đầu tư khi cần thiết.

Thông tin được trình bày trong tài liệu này chưa được kiểm chứng độc lập. VPBank không đưa ra bất kỳ cam kết hay bảo đảm nào, dù rõ ràng hay ngụ ý, về tính chính xác, đầy đủ, hợp lý hoặc độ tin cậy của thông tin hoặc ý kiến nêu trong tài liệu. Mọi việc sử dụng hoặc dựa vào thông tin trong tài liệu này đều do người đọc tự chịu rủi ro. VPBank, các công ty thành viên, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban điều hành, cán bộ, nhân viên và đơn vị tư vấn của VPBank từ chối mọi trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào phát sinh từ việc sử dụng hoặc dựa vào tài liệu này hay nội dung của tài liệu.

Tài liệu này có thể chứa các tuyên bố dự báo tương lai. Các tuyên bố này được xây dựng dựa trên những kỳ vọng và giả định hiện tại, đồng thời tiềm ẩn những rủi ro và yếu tố bất định đã hoặc chưa được biết đến, có thể dẫn đến kết quả thực tế khác biệt đáng kể so với những gì được thể hiện hoặc ngụ ý trong các tuyên bố đó. Các tuyên bố dự báo chỉ có giá trị tại thời điểm được công bố, và VPBank không có nghĩa vụ cập nhật hoặc điều chỉnh bất kỳ tuyên bố nào nhằm phản ánh thông tin mới, sự kiện trong tương lai hay diễn biến phát sinh, trừ khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Nội dung của tài liệu này là tài sản sở hữu riêng và mang tính bảo mật của VPBank. Không được sao chép, tái bản, phân phối, công bố hoặc tiết lộ toàn bộ hay một phần nội dung tài liệu cho bất kỳ bên thứ ba nào khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của VPBank. Việc sử dụng hoặc phân phối trái phép tài liệu này có thể vi phạm các quy định pháp luật hiện hành và dẫn đến trách nhiệm pháp lý.

Tất cả dữ liệu tài chính trong tài liệu này, trừ khi được ghi chú khác, là số liệu chưa được kiểm toán và dựa trên báo cáo quản trị nội bộ hoặc ước tính. Các số liệu này chỉ được trình bày với mục đích minh họa và có thể thay đổi mà không cần thông báo. VPBank không cam kết tính hợp lý của các giả định hay tính chính xác của các mô hình, dự báo được sử dụng. Hiệu quả hoạt động trong quá khứ không phải là cơ sở đảm bảo cho kết quả trong tương lai.

Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập www.vpbank.com.vn hoặc liên hệ

Phòng Quan Hệ Nhà Đầu Tư VPBank

SĐT: (84) 24 3928 8869 (ext. 54111)
Fax: (84) 24 928 8867
Email: ir@vpbank.com.vn